



zhōng xué shēng

中学生

Noun · middle-school student

Example Sentences

wǒ mèi mei shì zhōng xué shēng

我妹妹是中 学 生。

My younger sister is a middle-school student.

zhè xiē zhōng xué shēng měi tiān zuò gōng jiāo chē shàng xué

这些中 学 生 每天坐公 交 车 上 学。

These middle-school students take the bus to school every day.

Trace each character, then write the word on your own.

中	中	中	中	中	中	中				
学	学	学	学	学	学	学	学	学	学	学
生	生	生	生	生	生	生	生			